

Số: 773/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 25 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T**

Căn cứ các điều 212, 213, 366, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 365/2022/HNST ngày 07/4/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trang Thị Ngọc B, sinh năm 1978

Địa chỉ: 30.0.07 đường D, phường T, quận T, Thành phố H.

- Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Nhà máy tinh bột sắn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của Ông Nguyễn Ngọc L được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Trang Phương U, sinh ngày 26/02/2006 và Nguyễn Trang Xuân N, sinh ngày 30/12/2008. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung tên Nguyễn Trang Phương U, sinh ngày 26/02/2006 và Nguyễn Trang Xuân N, sinh ngày 30/12/2008 cho Bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng/02 trẻ, bắt đầu từ Tháng 09/2022 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L xác

nhận tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự: Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L xác nhận không có.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Bà B và Ông L phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035363 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc L và Bà Trang Thị Ngọc B thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178/2004 cấp ngày 24/11/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố H) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Trang Phương U, sinh ngày 26/02/2006 và Nguyễn Trang Xuân N, sinh ngày 30/12/2008. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung tên Nguyễn Trang Phương U, sinh ngày 26/02/2006 và Nguyễn Trang Xuân N, sinh ngày 30/12/2008 cho Bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng/02 trẻ, bắt đầu từ Tháng 09/2022 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các bên cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên còn lại trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên còn lại có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trang Thị Ngọc B và Ông Nguyễn Ngọc L cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc L và Bà Trang Thị Ngọc B phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035363 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông L và Bà B đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TPH;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND Phường 9, quận T, Thành phố H (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Tiền).

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Hòa**